

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-PT

Ngày: 25 – 5 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Nguyễn Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Dương Văn S, do có kháng cáo của bị cáo Dương Văn S đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2018/HS-ST ngày 13-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện MX.

Bị cáo có kháng cáo: Dương Văn S (tên gọi khác Võ Dương Hoàng S), sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Dương Bá T (chết) và bà Dương Thị C (sống); Anh chị em ruột có 09 người (lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; Con 02 người (lớn nhất sinh 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền sự: không; tiền án: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2017. (bị cáo có mặt)

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại bà Trần Thị Ngọc Y; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị H, bà Nguyễn Thanh T; Người làm chứng: Ông Trần Tấn L, bà Lâm Thị H, ông Trần Tấn K, ông Đào Bạch Đ, ông Đào M, ông Ngô Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2014 thông qua mạng xã hội Zalo tên Võ Dương Hoàng S (Dương Văn S) kết bạn với Zalo của chị Trần Thị Ngọc Y. Thời gian sau đó, S và chị Y thường xuyên gọi điện thoại, nhắn tin nói chuyện, gặp nhau, đi chơi chung với nhau nhiều lần. Trong các cuộc nói chuyện và những lần gặp nhau, S thường khoe khoang, bản thân và công việc trong ngành Công an nhân dân có quan hệ rộng, có quen biết nhiều người, quen biết với nhiều lãnh đạo các cấp và có khả năng xin được việc làm cho nhiều người. Sau đó được một thời gian hai người nảy sinh tình cảm yêu thương nhau.

Khoảng tháng 11/2014, do mới ra trường và chưa xin được việc làm nên chị Y có đưa cho S một bộ hồ sơ xin việc để S đi xin việc làm cho chị Y. Lúc này S đồng ý và nói *“Khi nào có phát sinh về tiền bạc sẽ nói cho chị Y biết”*, chị Y trả lời *“Nếu xin được việc làm thì tốn tiền bạc gì cũng được”*. Trong khoảng thời gian sau đó, S và chị Y thường xuyên qua lại chuyện tiền bạc rất nhiều lần với tổng số tiền khoảng 60.000.000 đồng, về số tiền này chị Y thì cho rằng S lừa gạt mượn còn S thì không thừa nhận mượn mà khẳng định đây là số tiền chị Y đưa cho S đi xin việc làm.

Khoảng tháng 3/2015, chị Y phát hiện S đã có vợ và hai con nên chủ động chấm dứt quan hệ tình cảm, chấm dứt liên lạc nhưng S đề nghị chị Y tiếp tục giữ liên lạc, chị Y đồng ý nhưng chỉ ở mức bạn bè và hai người vẫn thường xuyên liên lạc và gặp nhau.

Khoảng tháng 7/2015 chị Y có thông tin chính thức về việc đã thi đậu công chức nhà nước do Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng tổ chức và làm việc tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MX.

Dịp tết Nguyên đán năm 2017, S phát hiện chị Y có quan hệ tình cảm với anh Đào M và anh M thường xuyên chở chị Y đi chơi nên S điện thoại cho chị Y đe dọa phá mối quan hệ này. Vì lẽ đó chị Y tắt máy và chặn hết các cuộc gọi của S. Đến khi biết tin chị Y và anh M dự định tổ chức đám cưới, vào ngày 29/3/2017, S điện thoại cho chị Y bằng số điện thoại khác là số 0971.xxx.xxx yêu cầu chị Y phải gặp mặt để nói chuyện nhưng chị Y không đồng ý. Đến ngày 31/3/2017, S đến trước nhà của chị Y rồi điện thoại yêu cầu chị Y ra nói chuyện, lúc này chị Y mới ra và S nói *“Sẽ không cho Y làm đám cưới với người khác và không cho Y được hạnh phúc ngày nào”*. Sau đó, S liên tục gọi điện thoại nhiều lần cho chị Y với nội dung *“sẽ phá đám cưới của chị Y, không cho chị Y có hạnh phúc ngày nào và đe dọa sẽ đưa hình ảnh chị Y không mặc quần áo trong lúc chung sống với S trong thời gian yêu nhau lên mạng”* nhưng chưa đặt vấn đề tiền bạc.

Đến ngày 02/4/2017, S đến nhà của ông Đào Bạch Đ là cha của anh M nhưng không gặp ông Đ nên S gọi điện thoại cho ông Đ nói nội dung *“chị Y là bạn gái của S và hiện đã có bầu với S trước khi làm đám cưới với M”*. Song song với việc nói xấu chị Y với gia đình anh M nhằm ngăn cản việc tổ chức đám cưới, S dùng số 0918.xxx.xxx và số 0971.xxx.xxx điện thoại vào số 0917.xxx.xxx của chị Y bắt đầu đặt vấn đề *“Nếu chị Y muốn làm đám cưới với anh M thì phải đưa cho S 200.000.000 đồng”*, chị Y mới nói *“Vì sao phải đưa tiền cho S”*, S trả lời *“Yêu cầu chị Y trả lại số tiền mà trước đây S tự bỏ ra đứng phía sau lo cho chị Y thi công chức”*, chị Y tuyên bố *“S không có lo cho Y mà tự Y thi đậu công chức, có điểm rõ ràng”*, S đe dọa *“Nếu*

không đưa tiền sẽ quậy không cho làm đám cưới”, chị Y mới nói “S đã lừa gạt mượn Y số tiền 60.000.000 đồng mà chưa trả”, lúc này, S khẳng định “S sẽ trừ 60.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng bắt buộc phải trả nếu không đưa đủ thì đám cưới sẽ thành đám ma và gặp chị Y với anh M ở đâu sẽ xử đó”. Vì lo sợ không được tổ chức đám cưới với anh M, chị Y “đồng ý sẽ đưa cho S số tiền 140.000.000 đồng nhưng phải từ từ, chị Y chỉ muốn sự bình yên để có đám cưới với M”, “chị Y chấp nhận đưa số tiền 140.000.000 đồng để đổi lấy đám cưới và hạnh phúc với M”. Kể từ thời điểm đó, S liên tiếp dùng thủ đoạn phá đám cưới để uy hiếp buộc chị Y phải đưa số tiền 140.000.000 đồng. Vụ việc sau đó được chị Y kể lại cho anh Trần Tấn K là anh ruột của chị Y biết và anh K động viên chị Y trình báo cho Công an can thiệp. Vào ngày 05/4/2017 chị Y đến công an huyện MX tố cáo S cưỡng đoạt số tiền 140.000.000 đồng. Gia đình anh M cũng biết được sự việc nên từ chối việc tổ chức đám cưới.

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/4/2017 đến ngày 12/4/2017, S liên tục dùng số 0918.xxx.xxx và số 0971.xxx.xxx điện thoại vào số 0917.xxx.xxx của chị Y rất nhiều lần để hăm dọa buộc chị Y phải đưa đủ số tiền 140.000.000 đồng để đổi lấy việc chị Y tổ chức đám cưới và S nói với chị Y nếu đến ngày 12/4/2017 không đưa đủ số tiền 140.000.000 đồng thì S sẽ không lấy tiền nữa mà sẽ phá đám cưới, “nếu báo Công an thì đừng trách”. S buộc chị Y phải đem tiền lên Sóc Trăng đưa cho S nhưng chị Y không đồng ý, nên S hẹn gặp chị Y tại quán cà phê gốc phố 02 thuộc ấp H, thị trấn MX, huyện MX để giao, nhận tiền. Nội dung các cuộc nói chuyện giữa S và chị Y đều được chị Y ghi âm lại.

Khoảng 07 giờ, ngày 12/4/2017, S tiếp tục điện thoại hỏi chị Y có đủ tiền chưa để S đến lấy và chị Y kêu S đến chỗ hẹn. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, S và chị Y gặp nhau tại chòi số 08 quán cà phê gốc phố 02. Tại đây, S nói với chị Y nếu nhận đủ số tiền 140.000.000 đồng thì sẽ cam kết không quậy phá đám cưới nữa và điện thoại giải thích cho ông Đ về việc S nói chị Y có bầu với S là không đúng và sẽ xin lỗi gia đình của chị Y. S kêu chị Y viết giấy cam kết theo nội dung mà S yêu cầu và đưa tiền trước rồi mới ký giấy cam kết. Sau khi viết giấy cam kết, chị Y lấy ra một bao thư chuẩn bị sẵn, trong đó có 20 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng đã được chị Y ghi lại số Seri đưa cho S, S hỏi bao nhiêu, chị Y nói mới kiếm được 10.000.000 đồng, S không đồng ý nhận và xé tờ cam kết thành nhiều mảnh ném bỏ gần đó và hăm dọa không lấy tiền nữa mà sẽ quậy phá đám cưới. Chị Y năn nỉ nhiều lần xin đưa trước 10.000.000 đồng còn lại 130.000.000 đồng đến 16 giờ 30 phút cùng ngày sẽ đưa đủ tại quán cà phê Q tại thành phố S, thì S đồng ý nhận trước số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi S lấy tiền của chị Y cho vào túi quần đang mặc trên người thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 13-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện MX, quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Dương Văn S (Võ Dương Hoàng S) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 41 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Dương Văn S.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Dương Văn S (tên gọi khác Võ Dương Hoàng S) 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 12/4/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 21/3/2018 bị cáo Dương Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được Nhà tạm giữ Công an huyện MX xác nhận vào ngày 21/3/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Dương Văn S và Trần Thị Ngọc Y có quan hệ tình cảm trong một khoảng thời gian dài sau đó thì chấm dứt và chị Y có quan hệ tình cảm với anh Đào M. Khi biết tin chị Y và anh M dự định tổ chức đám cưới, S đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn phá đám cưới nhằm chiếm đoạt tiền của chị Y. Trong khoảng thời gian từ ngày 05/4/2017 đến ngày 12/4/2017, S đã liên tục, rất nhiều lần dùng số 0918.xxx.xxx và số 0971.xxx.xxx gọi, nhắn tin vào số điện thoại 0917.xxx.xxx của chị Y đe dọa phá hoại đám cưới bằng mọi thủ đoạn để buộc chị Y phải đưa cho S số tiền 140.000.000 đồng. Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/4/2017 tại quán cà phê Góc Phố 2, lúc này chị Y chỉ có 10.000.000 đồng nên S không đồng ý nhận mà tiếp tục đe dọa phá đám cưới để buộc chị Y phải đưa đủ 140.000.000 đồng mới nhận, chị Y năn nỉ S nhận trước 10.000.000 đồng đến 16 giờ 30 phút cùng ngày sẽ đưa tiếp 130.000.000 đồng tại quán cà phê Q tại thành phố S thì S đồng ý. Sau khi S lấy tiền của chị Y cho vào túi quần đang mặc trên người thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Lời thừa nhận về hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2

Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 và cấp sơ thẩm xác định tội danh và khung hình phạt cho bị cáo như trên là chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, không tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nêu các lý do xin giảm nhẹ hình phạt là bị cáo và Y thực tế không có chia tay, bị cáo thương Y thật lòng và bị cáo nôn nóng lấy lại tiền của bị cáo. Xét thấy đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của bộ luật hình sự năm 1999 nên trình bày này của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Văn S.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm thì bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Văn S.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 41 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Dương Văn S.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Dương Văn S (tên gọi khác Võ Dương Hoàng S) 05 (năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 12/4/2017.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[4] Các quyết định khác bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện MX(2 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện MX;
- Công an huyện MX;
- Chi cục THADS huyện MX
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga